

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2025/DS-ST
Ngày: 30-5-2025
V/v tranh chấp hợp đồng góp hội

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Ngọc Minh

2. Ông Đỗ Hữu Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Quê, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tòng, kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 130/2025/TLST-DS, ngày 11 tháng 02 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng góp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số C ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân Kim O, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số B ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số B ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

(bà T có mặt, bà O và ông S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/12/2024, đơn khởi kiện bổ sung ngày 28/02/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Phương T là nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2022 bà làm chủ các dây hội, có cho bà Nguyễn Thị Xuân Kim O là hội viên tham gia 05 dây hội như sau:

Dây hội 1: Hội tháng khui ngày 05/12/2022 (AL), hội 5.000.000 đồng, gồm có 20 hội viên, hội gồm 24 phần, hội hoa hồng là 2.500.000 đồng, bà O tham gia 01 phần, hội mãn vào ngày 05/12/2024. Bà O đóng được 01 kỳ hội sống, bà O đã hốt hội tại kỳ thứ 2 (ngày 10/01/2023, âm lịch) với số tiền là 79.060.000 đồng, bà O có nghĩa vụ đóng 22 kỳ hội chết nhưng bà O chỉ đóng được 15 kỳ hội chết thì ngưng không đóng tiền hội chết cho bà, như vậy bà O có nghĩa vụ phải đóng 07 kỳ hội chết với số tiền là $7 \times 5.000.000 \text{ đồng} = 35.000.000 \text{ đồng}$.

Dây hội 2: Hội tháng khui ngày 15/05/2023 (âm lịch), hội 5.000.000 đồng, gồm có 17 hội viên, hội gồm 20 phần, hội hoa hồng là 2.000.000 đồng, bà O tham gia 01 phần, hội mãn vào ngày 15/12/2024 (âm lịch), bà O hốt hội ở kỳ thứ 2 (ngày 20/06/2023) với số tiền là 64.740.000 đồng, bà O có nghĩa vụ đóng 18 kỳ hội chết nhưng bà O chỉ đóng được 09 kỳ hội chết thì ngưng không đóng tiền hội chết cho bà, như vậy bà O có nghĩa vụ phải đóng 09 kỳ hội chết với số tiền là $09 \times 5.000.000 \text{ đồng} = 45.000.000 \text{ đồng}$.

Dây hội 3: Hội tháng khui ngày 10/08/2023 (âm lịch), hội 5.000.000 đồng, gồm có 13 hội viên, hội gồm 20 phần, hội hoa hồng là 2.000.000 đồng, bà O tham gia 01 phần, hội mãn vào ngày 11/03/2025 (âm lịch). Bà O hốt hội ở kỳ đầu tiên (ngày 15/08/2023, âm lịch) với số tiền là 60.460.000 đồng, bà O có nghĩa vụ đóng 19 kỳ hội chết nhưng bà O chỉ đóng được 07 kỳ hội chết thì ngưng không đóng tiền hội chết cho bà, tính đến ngày nộp đơn khởi kiện bà O có nghĩa vụ phải đóng 09 kỳ hội chết (còn 03 kỳ chưa mãn), với số tiền là $09 \times 5.000.000 \text{ đồng} = 45.000.000 \text{ đồng}$.

Dây hội 4: Hội tháng khui ngày 15/08/2023 (âm lịch), hội định (hội sống đóng mỗi tháng đóng số tiền 3.000.000 đồng, hội chết đóng 3.600.000 đồng), gồm có 13 hội viên, thời gian hội 15 tháng, hội hoa hồng là 1.000.000 đồng, bà O tham gia 02 phần:

Phần 1: Bà O đóng được 02 kỳ hội và hốt ở kỳ hội thứ 3 (ngày 15/10/2024), với số tiền là 42.200.000 đồng, bà O có nghĩa vụ đóng 12 kỳ hội chết nhưng bà O chỉ đóng được 05 kỳ hội chết thì ngưng không đóng tiền hội chết cho bà, như vậy bà O có nghĩa vụ phải đóng 07 kỳ hội chết với số tiền là $07 \times 3.600.000 \text{ đồng} = 25.200.000 \text{ đồng}$.

Phần 2: Bà O đóng được 05 kỳ sống và hốt hội vào kỳ thứ 06, với số tiền là 44.000.000 đồng, bà O có nghĩa vụ đóng 09 kỳ hội chết nhưng bà O chỉ đóng được 02 kỳ hội chết thì ngưng không đóng tiền hội chết cho bà, như vậy bà O có nghĩa vụ phải đóng 07 kỳ hội chết với số tiền là $07 \times 3.600.000 \text{ đồng} = 25.200.000 \text{ đồng}$.

Dây hội 5: Hội khui ngày 25/02/2024 (âm lịch), hội định (hội sống đóng mỗi tháng số tiền 3.000.000 đồng, hội chết đóng 3.600.000 đồng), gồm có 15 hội viên, thời gian hội 15 tháng, hội mãn vào ngày 25/4/2025 (âm lịch), hội hoa hồng 1.000.000 đồng, bà O tham gia 01 phần, bà O hốt ở kỳ đầu tiên với số tiền là 41.000.000 đồng, bà O có nghĩa vụ đóng 14 kỳ hội chết nhưng bà O chỉ đóng được 01 kỳ hội chết thì ngưng không đóng tiền hội chết cho bà, tính đến ngày nộp đơn

khởi kiện bà O có nghĩa vụ phải đóng 08 kỳ chết (còn 05 kỳ chưa mãn), 08 x 3.600.000 đồng = 28.800.000 đồng.

Các dây này bà Nguyễn Thị Xuân Kim O tuyên bố vỡ hụi không đóng cho bà từ tháng 04/2024 (âm lịch). Việc chơi hụi giữa bà và bà Nguyễn Thị Xuân Kim O ông Nguyễn Văn S là chồng bà O có biết, bà O chơi hụi với mục đích làm vốn buôn bán trong thời kỳ hôn nhân với ông Nguyễn Văn S. Nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Xuân Kim O và ông Nguyễn Văn S có trách nhiệm phải liên đới trả cho bà tổng số tiền 05 dây hụi 204.200.000 đồng tiền vốn hụi, bà không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả một lần khi bản án có hiệu lực.

Bà Nguyễn Thị Xuân Kim O là bị đơn trình bày tại biên bản hòa giải ngày 27/02/2025: Bà thống nhất có tham gia các dây hụi như lời trình bày của bà T, bà đồng ý có thiếu bà T số tiền hụi tổng cộng là 204.200.000 đồng. Tuy nhiên, hiện gia đình bà đang khó khăn không có khả năng chi trả một lần, bà đề nghị được trả dần với số tiền 500.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ.

Ông Nguyễn Văn S1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về thủ tục tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, có căn cứ xác định: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự trình bày thống nhất bà Nguyễn Thị Xuân Kim O có nợ bà Nguyễn Thị Phương T số tiền vốn hụi là 204.200.000 đồng, bà O đề nghị được trả dần nợ với số tiền 500.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ nhưng không được bà T đồng ý. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ, hụi, biếu, phường, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Xét nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ: Việc bà O tham gia chơi hụi diễn ra trong thời kỳ hôn nhân với ông S. Do đó, căn cứ quy định tại các Điều 27, 30, 35 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, buộc ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Xuân Kim O liên đới thanh toán tiền vốn hụi cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Phương T có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng góp hụi với bà Nguyễn Thị Xuân Kim O, việc tranh chấp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà O cư trú tại huyện C, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Bà O và ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và bà O, ông S xin vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự trình bày thống nhất bà Nguyễn Thị Xuân Kim O có nợ bà Nguyễn Thị Phương T số tiền vốn hui là 204.200.000 đồng, đây là điều không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, các đương sự không thống nhất thời gian thanh toán: Bà T yêu cầu bà O và ông S thanh toán nợ một lần khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, bà O đề nghị được trả dần nợ với số tiền 500.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ nhưng không được bà T đồng ý nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ, hui, biên, phường, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

[3] Xét nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ: Việc bà O tham gia chơi hui nhằm mục đích phát triển kinh tế gia đình diễn ra trong thời kỳ hôn nhân với ông S. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 27, 30, 35 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Xuân Kim O liên đới thanh toán tiền vốn hui cho nguyên đơn.

Ông S và bà O còn phải chịu tiền lãi chậm thanh toán nợ gốc theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

Tại phiên tòa, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông S và bà O phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định (204.200.000 đồng x 5% = 10.210.000 đồng). Bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 27, 30, 37 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng góp hui của bà Nguyễn Thị Phương T đối với ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Xuân Kim O.

Buộc ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Xuân Kim O phải liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị Phương T số tiền vốn hui là 204.200.000 (hai trăm lẻ bốn triệu hai trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Xuân Kim O phải liên đới chịu phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 10.210.000 (mười triệu hai trăm mười nghìn) đồng.

Bà Nguyễn Thị Phương T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.855.000 đồng và 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010746 ngày 11 tháng 02 năm 2025 và số 0010800 ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh LA;
- Viện kiểm sát ND cùng cấp;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Ái Duyệt